

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **61/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 31-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vương Hồng Giang;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Triệu Đức Tươi và bà Nguyễn Thị Hoàng Lan.
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Vũ Hoàng Yến, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:* Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 410/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, về "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXX ngày 13/7/2023, giữa các đương sự:

- * *Nguyên đơn:* Chị **Vương Thị N**, sinh năm 1993, (có mặt);
Địa chỉ: **Tổ F, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.**
- * *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1993, (vắng mặt);
Địa chỉ: **Tổ F, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, án" bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị **Vương Thị N** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Đức Hòa** kết h năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh **H** chơi bời, không quan tâm đến vợ con, do vậy vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị **N** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **H**.

Về con chung: Chị **N** xác định có một con chung tên là **Nguyễn Khánh C**, sinh ngày 29/7/2016. Sau khi ly hôn chị **N** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **N** không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **N** xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Nguyễn Đức H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đến gia đình anh **H** tại **tổ F, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên** là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chung sống của gia đình để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **H**, nhưng không gặp trực tiếp anh **H**.

Tòa án tiến hành làm việc với bà **Trần Kim D** là mẹ đẻ của anh **H**, bà **D** cho biết: Anh **H** và chị **N** kết hôn năm 2015, sau khi kết hôn chị **N**, anh **H** về chung sống với gia đình bà tại **tổ F, phường H, thành phố T**. Quá trình chung sống, chị **N** và anh **H** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, do vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Về con chung, anh **H**, chị **N** có một con chung tên là **Nguyễn Khánh C**, sinh ngày 29/7/2016, hiện nay cháu sống với chị **N**, anh **H** đi lao động từ sáng đến tối muộn mới về nhà, Tòa án đã giao giấy triệu tập anh **H** cho bà **D** nhận thay để chuyển lại cho anh **H**, anh **H** đã nhận giấy triệu tập, nhưng không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu **Nguyễn Khánh C**, là con chung của chị **N** và anh **H**, hiện tại cháu **C** đã trên 07 tuổi, cháu **C** có nguyện vọng được sống chung với mẹ đẻ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị **N** được ly hôn với anh **H**; về con chung, giao con chung **Nguyễn Khánh C** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh **H** có hộ khẩu thường trú tại **tổ F, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**. Căn cứ điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Bị đơn anh **H** đã được Toà án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh **H**.

[2] Về nội dung vụ án: Chị **Vương Thị N** và anh **Nguyễn Đức Hòa** kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **H**, thành phố **T**, tỉnh **Thái Nguyên**, đây được coi là hôn nhân hợp pháp. Sau khi mới kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, điều này đã được bà **D** là mẹ đẻ của anh **H** thừa nhận và cũng phù hợp với lời trình bày của chị **N**. Mặt khác, khi Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự quay trở về đoàn tụ gia đình nuôi dạy con cái, chị **N** kiên quyết xin ly hôn, anh **H** được triệu tập hợp lệ và biết chị **N** xin ly hôn, nhưng không có ý kiến phản đối gì, không đến tham gia các phiên hòa giải. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để giải phóng cho các bên đương sự, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **N** là phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Chị **N** và anh **H** có một con chung tên là **Nguyễn Khánh C**, sinh ngày 29/7/2016. Chị **N** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, chị **N** có thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo và đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do vậy cần giao con chung cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **N** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị **N** xác định không có tài sản chung và nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **N** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị **Vương Thị N**. Chị **Vương Thị N** được ly hôn anh **Nguyễn Đức H**.

2. Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Khánh C**, sinh ngày 29/7/2016 cho chị **Vương Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự kiện thay đổi khác. Anh **Nguyễn Đức H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, do các đương sự không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, do các đương sự không có yêu cầu.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ởng" Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị **Vương Thị N** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000346 ngày 30/6/2023 của **C**ục" cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị **Vương Thị N** có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh **Nguyễn Đức H** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản" Bản án hoặc kể từ ngày bản" Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

TÒA

Vương Hồng G

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND P. Hoàng Văn Thụ, TPTN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Vương Hồng Giang